

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Tỷ lệ điều tiết	Dự toán năm 2026		Ghi chú
			Tổng thu NSNN	Thu NSDP	
A	B		1	2	3
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		650.843,551	444.744,551	
I	Thu nội địa		580.070	373.971	
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý				
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý				
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước				
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		170.050	82.107	
	+ GTGT	54%	129.400	69.876	
	+ TTDB	54%	150	81	
	+ TNDN	54%	22.500	12.150	
	+ Thuế tài nguyên	0%	18.000		
5	Thuế thu nhập cá nhân				
6	Thuế bảo vệ môi trường				
7	Lệ phí trước bạ		27.000	20.000	
	Trong đó: '+Lệ phí trước bạ nhà đất	100%	13.000	13.000	
	+ LPTB còn lại	50%	14.000	7.000	
8	Thu phí, lệ phí		232.500	227.300	
	+ Phí BVMT		5.200		
	+ Phí tham quan	100%	226.300	226.300	
	+ Phí, LP khác tại xã	100%	1.000	1.000	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			-	
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100%	900	900	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	40%	7.900	3.160	
12	Thu tiền sử dụng đất	20%	125.000	25.000	
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)				
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
16	Thu khác ngân sách		1.520	304	
	Trong đó: + Thu khác NS xã	100%	304	304	
	+ Thu khác còn lại		1.216		
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	100%	15.200	15.200	
II	Thu viện trợ				
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang				
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	70.773,551	70.773,551	
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên			-	
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên		70.773,55	70.773,55	
	+ Bổ sung mục tiêu nguồn sự nghiệp		2.160	2.160	
	+ Bổ sung mục tiêu nguồn đầu tư công		68.613,551	68.613,551	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP ĐẶC KHU THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ghi chú
A	B	1	2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐẶC KHU	444.744,551	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐẶC KHU	376.131	
	Trong đó:		
I	Chi đầu tư phát triển	25.000	
1	Chi đầu tư cho các dự án	25.000	
2	Chi đầu tư phát triển khác		
II	Chi thường xuyên	343.756	-
	Trong đó:		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	156.941	
2	Chi khoa học và công nghệ	390	
3	Chi An ninh-Quốc phòng	12.746	
4	Chi y tế, dân số và gia đình	21.553	
5	Chi văn hóa thông tin	8.028	
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.870	
7	Chi thể dục thể thao	905	
8	Chi bảo vệ môi trường	16.972	
9	Chi các hoạt động kinh tế	19.552	
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	67.617	
11	Chi bảo đảm xã hội	35.471	
12	Chi khác	1.711	
III	Dự phòng ngân sách	7.375	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
B	Chi viện trợ		
C	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu	68.613,551	
	Chi đầu tư phát triển	68.613,551	
D	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐẶC KHU CÁT HẢI NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026	Ghi chú
A	B	1	2
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐẶC KHU	444.744,551	
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	373.971	
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	256.704	
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	117.267	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	70.773,551	
-	Thu bổ sung cân đối	-	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	70.773,551	
	+ <i>Bổ sung mục tiêu nguồn sự nghiệp</i>	2.160	
	+ <i>Bổ sung mục tiêu nguồn đầu tư công</i>	68.613,551	
III	Thu kết dư		
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐẶC KHU	444.744,551	
I	Tổng chi cân đối ngân sách đặc khu	376.131	
1	Chi đầu tư phát triển	25.000	
2	Chi thường xuyên	343.756	
3	Dự phòng ngân sách	7.375	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
II	Chi viện trợ		
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu	68.613,551	
	Chi đầu tư phát triển	68.613,551	
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau		

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP ĐẶC KHU CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN NĂM 2026	Trong đó											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI AN NINH - QUỐC PHÒNG	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TÂN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐÀM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1=2+3+.... +12+13	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
16	Trường mầm non Văn Phong	2.512	2.512	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
17	Trường mầm non Hoàng Châu	2.944	2.944	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Trường TH&THCS Hà Sen	8.494	8.494	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Trường TH&THCS Xuân Đám	4.689	4.689	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
20	Trường TH&THCS Hiền Hào	4.516	4.516	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
21	Trường TH&THCS Gia Luận	5.174	5.174	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
22	Trường TH&THCS Phù Long	5.450	5.450	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
23	Trường TH&THCS Văn Phong	5.688	5.688	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
24	Trường TH&THCS Hoàng Châu	5.250	5.250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
25	Trường TH&THCS Nghĩa Lộ	8.925	8.925	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
26	Trường TH&THCS Đoàn Đức Thái	13.744	13.744	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
27	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	19.050	19.050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
28	Trường THCS thị trấn Cát Bà	11.121	11.121	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
29	Đồn Biên phòng Cát Bà	90			90									
30	Đồn Biên phòng Cát Hải	90			90									
31	Kinh phí thực hiện các chương trình, nghị quyết, nhiệm vụ chung của đặc khu	87.767	18.348	151	1.570	20.800	2.213	492	534	15.704	5.069	8.429	12.746	1.711

DỰ TOÁN CÁC KHOẢN THU HỌC PHÍ NĂM 2026*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2026	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	2.709	
1	Trường Mầm non Sơn Ca	598	
2	Trường Mầm non Trần Châu	99	
3	Trường Mầm non Xuân Đám	54	
4	Trường Mầm non Phù Long	97	
5	Trường Mầm non thị trấn Cát Hải	262	
6	Trường Mầm non Văn Phong	113	
7	Trường Mầm non Sao Mai	204	
8	Trường Mầm non Hoàng Châu	92	
9	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	10	
10	Trường TH&THCS Gia Luận	50	
11	Trường TH&THCS Hiền Hào	20	
12	Trường TH&THCS Xuân Đám	25	
13	Trường TH&THCS Phù Long	74	
14	Trường TH&THCS Hà Sen	59	
15	Trường TH&THCS Văn Phong	75	
16	Trường TH&THCS Nghĩa Lộ	109	
17	Trường TH&THCS Hoàng Châu	66	
18	Trường TH&THCS Đoàn Đức Thái	206	
19	Trường THCS TT Cát Bà	497	

DỰ TOÁN CHI NĂM 2026 TỪ NGUỒN THU TẠI ĐƠN VỊĐơn vị thực hiện: **Ban quản lý các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà**

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	TỔNG THU	311.460.000.000	
1	Phí tham quan	300.000.000.000	
a	Thu phí tham quan	79.019.880.000	
b	Phí lưu trú nghỉ đêm	220.980.120.000	
2	Thu dịch vụ	11.460.000.000	
a	Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác	2.460.000.000	
b	Dịch vụ bến thủy nội địa	9.000.000.000	
II	TỔNG CHI	311.460.000.000	
1	Chi nộp NSNN 79%	237.000.000.000	
2	Chi từ nguồn thu phí tham quan được trích để lại đơn vị (21%)	63.000.000.000	
a	Chi thường xuyên	24.892.674.000	
	<i>Trong đó: Tiết kiệm 10% tạo nguồn CCTL</i>	2.489.267.400	
b	Chi nội dung khác		
c	Chi trích lập các quỹ	38.107.326.000	
3	Chi từ nguồn thu dịch vụ	11.460.000.000	
a	Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác	2.460.000.000	
b	Dịch vụ bến thủy nội địa	6.613.095.366	
c	Chi trích lập các quỹ	2.386.904.634	

DỰ TOÁN CHI NĂM 2026 TỪ NGUỒN THU CỦA ĐƠN VỊ

Đơn vị thực hiện: Ban Quản lý dự án đặc khu Cát Hải

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	PHẦN THU	62.177.402.339	
1	Kinh phí năm trước còn chưa sử dụng chuyển năm sau	6.672.934.177	
2	Thu kinh phí thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB	11.659.298.714	
3	Thu tạo lập quỹ đất	1.532.855.000	
4	Thu nguồn quản lý dự án	8.943.207.000	
5	Thu dịch vụ trông giữ xe	1.578.180.000	
6	Dịch vụ nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải	2.658.160.000	
7	Dịch vụ vệ sinh môi trường	8.913.027.448	
8	Thu từ kinh phí theo đơn đặt hàng	14.562.000.000	
9	Thu tiền thuê điểm kinh doanh chợ	4.652.740.000	
10	Thu khác	1.005.000.000	
II	PHẦN CHI	62.177.402.339	
1	Chi thường xuyên (Bao gồm chi lương, các khoản đóng góp và chi nghiệp vụ thường xuyên)	47.845.677.653	
	<i>Trong đó: Tiết kiệm chi 10% nguồn CCTL</i>	2.170.628.492	
2	Chi nộp thuế	2.352.660.372	
3	Dự phòng chi	2.119.845.786	
4	Trích lập các quỹ	9.859.218.528	

DỰ TOÁN CHI NĂM 2026 TỪ NGUỒN THU CỦA ĐƠN VỊ

Đơn vị thực hiện: **Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công**

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	PHẦN THU	821.100.000	
1	Thu cho thuê các trạm điện thoại di động	209.100.000	
2	Thu dịch vụ từ sân bóng đá mini	170.000.000	
3	Thu cho thuê phòng chức năng, trụ sở TTVH	192.000.000	
4	Thu dịch vụ tour tuyến	250.000.000	
II	PHẦN CHI	821.100.000	
1	Chi thường xuyên	738.990.000	
2	Chi nộp thuế	82.110.000	